

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga – Thẩm Phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quang Khai
2. Ông Phan Vũ Anh Kiệt

T ký phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi – T ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ –
Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2017/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2017, về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04.7.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Vũ Tú A** – sinh năm: 1989 (Có mặt)
 2. Bị đơn: Anh **Phan Văn T** – Sinh năm: 1988 (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Thôn B 1, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/5/2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, chị Cao Vũ Tú A – nguyên đơn trình bày:

Chị Cao Vũ Tú A và anh Phan Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01, ngày 12/8/2013

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm đến gia đình, thường uống rượu, hút thuốc và cờ bạc, cá độ dẫn đến nợ nần. Từ đó, chị không còn niềm tin, thường xuyên nghi ngờ, kiểm soát anh nên cả hai đều cảm thấy mệt mỏi. Chị A đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không nghe và còn tát chị. Đến năm 2016, chị A đã nộp đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn nhưng gia đình hòa giải, tác động nên chị rút đơn về, tiếp tục chung sống nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy, không có thiện chí sửa đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung: Phan Cao M, sinh ngày 17/4/2014 và Phan Cao Thảo M, sinh ngày 27/11/2015. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/02 con.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn anh Phan Văn T, trình bày:

Anh thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Tú A về thời gian đăng ký kết hôn, cũng như con chung của vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình nhà chị Tú A, anh sống không được lòng gia đình vợ nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã. Anh nhiều lần đề nghị chị Tú A ra ngoài sống nhưng chị Tú A không đồng ý. Đến năm 2016, anh làm ăn thua lỗ và bị gia đình vợ đuổi ra ngoài và không cho thăm các con. Nhiều lần anh liên lạc với chị Tú A để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, vợ chồng hàn gắn nhưng chị Tú A không gặp. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn được hòa giải, vợ chồng hàn gắn nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng một con chung, vấn đề cấp dưỡng anh không đề cập.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa HĐXX, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của chị Cao Vũ Anh T trình bày là có cơ sở. Đề nghị HĐXX căn cứ quy định pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị Cao Vũ Anh T được ly hôn với anh Phan Văn T. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi Phan Cao Thảo M, sinh ngày 27/11/2015, anh T trực tiếp nuôi con Phan Cao M, sinh ngày 17/4/2014. Về án phí, chị Tú A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào sự trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn của chị Cao Vũ Anh T, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phan Văn T đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Tú A, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị Tú Anh, anh T đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không hợp tính tình, quan điểm, có lần anh T đánh bạc, dẫn đến việc cầm cố xe máy gây mâu thuẫn căng thẳng hơn giữa hai vợ chồng. Ngoài ra, anh T còn thừa nhận, quá trình chung sống, đôi lúc anh có những hành vi không đúng với gia đình vợ. Từ đó, giữa vợ chồng không còn niềm tin, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đến năm 2016, chị Tú A có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau đó được sự hòa giải của nhiều người nên đã rút đơn về để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2016. Chị Tú A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết, anh T trình bày anh nhiều lần tìm gặp chị A để vợ chồng bàn bạc, tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng chị Tú A không đồng ý. Điều đó chứng tỏ giữa anh chị không có khả năng hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Vũ Tú A là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị Tú Anh, và yêu cầu được nuôi 01 con chung của anh T trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Phan Cao M, sinh ngày 17/4/2014 đến nay chưa được 40 tháng tuổi và Phan Cao Thảo M, sinh ngày 27/11/2015 (dưới 36 tháng tuổi), các cháu đều còn rất nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Chị Tú A có công việc và đời sống hiện tại thuận tiện cho việc chăm sóc các con. Tuy anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nhưng hiện nay, công việc, chỗ ở, điều kiện sinh hoạt của anh không thuận lợi cho quá trình chăm sóc khi con còn nhỏ, vì vậy, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho chị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét việc chị Tú Anh yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho cả hai con, là có cơ sở chấp nhận, số tiền chị Tú Anh yêu cầu đảm bảo nhu cầu tối thiểu, phù hợp thực tế nên cần buộc anh Phan Văn T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 750.000đ/tháng là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị Tú A không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh T phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Vũ Tú A. Chị Cao Vũ Tú A được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Cao Vũ Tú A trực tiếp nuôi dưỡng Phan Cao M, sinh ngày 17/4/2014 và Phan Cao Thảo M, sinh ngày 27/11/2015. Anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 750.000 đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn T có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung.

Về án phí: Chị Cao Vũ Tú A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Phan Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị Tú Anh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0010295 ngày 15.5.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho chị Cao Vũ Tú A biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng anh Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Hoa Nga